

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P - TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 28/5/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Vinh**

2. Ông **Trần Phú Yên**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Xuân** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông **Chu Ngọc** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/TLST- HS, ngày 16 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST – HS ngày 10/5/2019. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Chí C** Sinh năm 1957.

Nơi ĐKKHTT: Khu 6, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ;

Chỗ ở hiện nay: phố Đ, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT-Giám đốc Công ty TNHH tư vấn du học XKLD và hợp tác quốc tế H; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không;

Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hà Thị S (Đều đã chết);

Gia đình bị cáo có 4 anh chị em ruột bị cáo là thứ tư:

Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1960

Bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại phố Đ, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

- Anh **Phùng Tấn D**, sinh năm 1981,

Trú tại: Xóm M, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).
- Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1981

Trú tại: Khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt);
- Anh **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1995

Trú tại: Khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt);
- Chị **Đinh Thị N**, sinh năm 1983

Trú tại Xóm C, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt);
- Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Chị **Trần Thị X**, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm D, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt);
- Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn P 2 xã Thanh G, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Anh **Đinh Văn V**, sinh năm 1981
- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982

Đều trú tại: Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt)
- Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: Khu 9, H, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người làm chứng:

Chị **Hoàng Thị H** sinh năm 1973
Trú tại: Phố T, phường A, thị xã P.

Chị **Trần Thị Thu H** sinh năm 1982
Trú tại: Xóm N, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bà **Đàm Thị T** sinh năm 1962
Trú tại: Xóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Ông **Bùi Văn B** sinh năm 1959
Trú tại: Khu 17 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị **Hoàng Thị N** sinh năm 1991
Trú tại: Thôn Xuân N, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội

Anh **Phạm Văn T** sinh năm 1980
Trú tại: Khu 5 xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp nhận đơn trình báo của các bị hại gồm: Đỗ Văn T, sinh năm 1981 trú tại khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Bùi Ngọc T, sinh năm 1995 trú tại khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Đinh Thị N, sinh năm trú tại X, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Trần Thị S, sinh năm 1984 trú tại phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Trần Thị X, sinh năm 1983 trú tại Xóm D, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Đinh Văn V, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 trú tại xóm X, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình cùng tố cáo Nguyễn Chí C, sinh năm 1957, HKTT: khu 6, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, chỗ ở: phố Đ, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ là Chủ tịch HĐQT- Giám đốc Công ty TNHH tư vấn du học XKLĐ và hợp tác quốc tế H có trụ sở tại phố T, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ thu tiền để làm thủ tục đưa những người này đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và Đài Loan nhưng không xuất khẩu lao động được và cũng không trả lại tiền. Ngày 13/4/2018 chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990 trú tại khu 9, H, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ cũng tố cáo Nguyễn Chí C nhận 3.000 USD để đưa chị Hiền đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc nhưng khi chị Hiền không có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, Nguyễn Chí C không trả lại tiền. Các bị hại đề nghị làm rõ hành vi chiếm đoạt tài sản và xử lý Nguyễn Chí C theo quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Chí C, sinh năm 1957, HKTT: khu 6, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, chỗ ở: phố Đ, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ là Chủ tịch HĐQT- Giám đốc Công ty TNHH tư vấn du học XKLĐ và hợp tác quốc tế H có trụ sở tại phố T, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1477/2017/CNDN ngày 3/10/2017. Theo đó Công ty được cấp phép kinh doanh 08 ngành nghề gồm: Vận tải hành khách đường bộ khác; Giáo dục mầm non; Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Dạy nghề; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; dạy kỹ năng đàm thoại; Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dịch vụ dạy kèm; Dạy nghề); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn du học sinh đi du học theo chương trình vừa học vừa làm; Tư vấn sinh đi đào tạo tại các nước); Cung ứng lao động tạm thời; Đại lý du lịch và Điều hành tua du lịch. Ngày 03/11/2017 Nguyễn Chí C ký hợp đồng giới thiệu người lao động Việt Nam đi làm việc có thời

hạn ở nước ngoài số 193/2017/MILACO với Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ quốc tế MILACO có trụ sở tại số 10-12 ngõ 203 H, quận C, thành phố Hà Nội do bà Trần Vĩnh H làm Tổng Giám đốc. Sau đó Công ty TNHH tư vấn du học XKLĐ và hợp tác quốc tế H tập hợp, giới thiệu cho Công ty CP MILACO những người lao động của địa phương có nguyện vọng và đủ điều kiện đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài. Ngoài ra Nguyễn Chí C còn thỏa thuận với Công ty cổ phần xây dựng và cung ứng nhân lực Q có trụ sở tại số 159, N, quận L, thành phố Hà Nội về việc giới thiệu người đi lao động tại nước ngoài. Sau đó

thông qua các cộng tác viên gồm Trần Thị Thu H, sinh năm 1982 trú tại Xóm X, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Bùi Văn B, sinh năm 1959 trú tại khu 17, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Phạm Anh T, sinh năm 1980 trú tại khu 5, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Chí C đã tiếp nhận 09 hồ sơ và trực tiếp tư vấn các đơn hàng cho những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và Đài Loan gồm: Đỗ Văn T, Phùng Tấn D, Bùi Ngọc T, Đinh Thị N, Trần Thị S, Trần Thị X, Nguyễn Văn D, Đinh Văn V và Nguyễn Thị H. Nguyễn Chí C thỏa thuận và thu của Đỗ Văn T: 33.000.000 đồng; Phùng Tấn D: 22.000.000 đồng; Bùi Ngọc T: 13.000.000 đồng, Đinh Thị N: 13.000.000 đồng, Trần Thị S: 13.000.000 đồng, Trần Thị X: 13.000.000 đồng, Nguyễn Văn D: 13.000.000 đồng, Đinh Văn V và Nguyễn Thị H: 26.000.000 đồng, trong đó chi phí học tiếng: 2.000.000 đồng/ người, khám sức khỏe: 1.000.000 đồng/ người và thi đơn hàng: 10.000.000 đồng/ người. Sau khi thu tổng số tiền 146.000.000 đồng của 09 cá nhân trên, Nguyễn Chí C thuê Phạm Anh T đưa Đỗ Văn T, Phùng Tấn D, Bùi Ngọc T, Trần Thị S, Trần Thị X, Nguyễn Văn D, Đinh Văn V và Nguyễn Thị H đi khám sức khỏe tại Bệnh viện đa khoa T địa chỉ số 59, ngõ T, T, quận Đ, thành phố Hà Nội với tổng chi phí 11.600.000 đồng trong đó 3.600.000 đồng tiền thuê xe ô tô và 8.000.000 đồng tiền phí khám sức khỏe; đặt cọc tại Công ty cổ phần xây dựng và cung ứng nhân lực Q 10.000.000 đồng để Đỗ Văn T và Phùng Tấn D thi đơn hàng đi lao động tại Đài Loan nhưng sau đó do Nguyễn Chí C không nộp 30.000.000 đồng theo yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng và cung ứng nhân lực Q nên Đỗ Văn T và Phùng Tấn D phải trực tiếp nộp hồ sơ và đóng phí tại Công ty cổ phần xây dựng và cung ứng nhân lực Q để xuất khẩu lao động. Công ty Q đã trừ cho Tiếp và Dấu số tiền 5.000.000đ/ 01 người mà Công đã đặt cọc. Chị Hoàng Thị H có nhu cầu đi lao động tại Hàn Quốc đã được Nguyễn Chí C tư vấn và thu 3.000 USD nhưng ngay sau đó Hiền không có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nữa và đề nghị Nguyễn Chí C trả lại tiền, C đồng ý nhưng đã không trả lại tiền như đã hẹn. Ngoài số tiền C chi phí cho người lao động đi khám sức khỏe, đặt cọc thi đơn hàng số tiền còn lại C sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau khi thấy C không thực hiện theo đúng thỏa thuận và đưa người lao động đi xuất khẩu lao động được nên cả 9 người lao động và chị H đã yêu cầu C phải trả lại số tiền đã nộp cho C. Những người lao động yêu cầu ông C phải trả lại cho mình số tiền cụ thể như sau: trả lại cho anh Đỗ Văn T 33.000.000 đồng; anh Phùng Tấn D: 20.000.000 đồng; anh Bùi Ngọc T: 10.000.000 đồng, chị Đinh Thị N: 11.500.000 đồng, chị Trần Thị S: 11.000.000 đồng, chị Trần Thị X: 11.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn D: 11.000.000 đồng, anh Đinh Văn V và chị Nguyễn Thị H: 22.000.000 đồng, chị Hoàng Thị H: 3.000 USD (bằng 67.984.500 đồng theo tỷ giá quy đổi ngày 16/01/2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh thị xã P).

Ngày 18/01/2018 Nguyễn Chí C đã trả lại cho Phùng Tấn D, Bùi Ngọc T, Đinh Thị N, Trần Thị S, Trần Thị X, Nguyễn Văn D, Đinh Văn V và Nguyễn Thị H mỗi người 5.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Chí C đã khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên. Kết quả điều tra xác định số tiền Nguyễn Chí C thu của 10 người lao động thông qua tư vấn xuất khẩu lao động tại Công ty TNHH tư vấn du học XKLĐ và hợp tác quốc tế H là 213.984.500 đồng, trong đó của 09 người có nhu cầu xuất khẩu lao động Nhật Bản và Đài Loan là 146.000.000 đồng và của chị Hoàng Thị H có nhu cầu xuất khẩu Hàn Quốc là 3.000 USD (bằng 67.984.500 đồng theo tỷ giá quy đổi ngày 16/01/2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh thị xã P). Nguyễn Chí C đã chi phí đưa 09 người lao động đi khám sức khỏe 11.600.000 đồng, nộp tiền đặt cọc thi đơn hàng tại Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực Q cho 02 người số tiền 10.000.000 đồng; trả 40.000.000 đồng cho 08 người không xuất khẩu lao động được. Còn lại số tiền 152.384.500 đồng Nguyễn Chí C chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng trả lại cho các bị hại.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra Nguyễn Chí C đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và thành khẩn khai báo. Nguyễn Chí C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nhưng có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã P áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với C là phù hợp.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác mà Nguyễn Chí C thực hiện được chứng minh bằng đơn trình báo của các bị hại, các phiếu thu, giấy hẹn, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai nhận tội của bị cáo cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Chí C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp về thời gian, địa điểm phạm tội, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKSTXPT ngày 16/4/2019 VKSND thị xã P đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Chí C ra trước TAND thị xã P để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” Theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 175- Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi đại diện VKSND thị xã P vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo C và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng điểm c, điểm d khoản 2 Điều 175 điểm b,s khoản 1 Điều 51 điều 65 – BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Đề nghị miễn phạt bổ sung theo điều luật cho bị cáo Nguyễn Chí C.
Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 – BLHS.

Buộc bị cáo C phải bồi thường cho những người bị hại gồm:

Anh Phùng Tấn D 10.000.000đ; Anh Đỗ Văn T 28.000.000đ; Anh Bùi Ngọc T 5.000.000đ; Chị Đinh Thị N 6.500.000đ; Chị Trần Thị S 6.000.000đ; Chị Trần Thị X 6.000.000đ; Anh Nguyễn Văn D 6.000.000đ; Anh Đinh Văn V 6.000.000đ và chị Nguyễn Thị H 6.000.000đ.

Đề nghị xác nhận bị cáo C đã tự nguyện hoàn trả cho chị Hoàng Thị H 3.000USD quy đổi thành 67.984.500đ VNĐ vào ngày 16/5/2019 là hợp pháp.

Về vật chứng: Không có

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Chí C hoàn toàn thừa nhận đã có hành vi phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như đã nêu trong bản cáo trạng, không có lời bào chữa nào khác và xin HĐXX xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại và người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại đã khai báo đầy đủ, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2017 đến tháng 01/2018, Nguyễn Chí C lợi dụng danh nghĩa Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty TNHH tư vấn du học XKLD và hợp tác quốc tế H có trụ sở tại phố T, A, thị xã P đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 152.384.500 đồng của Đỗ Văn T, Phùng Tấn D, Bùi Ngọc T, Đinh Thị N, Trần Thị S, Trần Thị X, Nguyễn Văn D, Đinh Văn V, Nguyễn Thị H và Hoàng Thị H là số tiền bị cáo C phải trả cho những người lao động khi không thực hiện được thỏa thuận đưa họ đi xuất khẩu lao

động. Số tiền chiếm đoạt C chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng trả lại cho các bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Chí C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì bị cáo Công phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 175- BLHS.

Điều 175- BLHS quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169,170,171,172,173,174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b. Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

c..... ”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Lợi dụng chức vụ quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan tổ chức”.

Cáo trạng của VKSND thị xã P truy tố bị cáo Nguyễn Chí C về tội danh và điều luật như đã viện dẫn là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã gây hoang mang cho những người lao động, đã, đang và sẽ xuất khẩu đi lao động ở nước ngoài, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn xã hội vì vậy vụ án này đối với bị cáo Công cần phải đưa ra xét xử kịp thời mới có giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, đáng lẽ ra bị cáo khi được Nhà nước cho phép thành lập công ty phải làm ăn chân chính, làm đúng ngành, nghề, nhưng bị cáo không làm đúng ngành nghề như đã được đăng ký. Bị cáo đã lợi dụng ngành nghề, Lợi dụng chức vụ quyền hạn, lợi dụng danh nghĩa cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo biết lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện để

lấy tiền sử dụng cá nhân, sau đó không có khả năng chi trả cho những người bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho những người bị hại để khắc phục hậu quả, do đó HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 – BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú ổn định và sự khoan hồng của pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một hình phạt cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú cũng đủ giáo dục trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 - BLHS người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Qua điều tra xác minh bị cáo không có tài sản riêng, tuổi đời cũng đã cao (Trên 60 tuổi) nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung theo điều luật cho bị cáo Công là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 152.384.500 đồng mà bị cáo chiếm đoạt, không có khả năng thanh toán, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/5/2019 bị cáo Nguyễn Chí C đã hoàn trả cho chị Hoàng Thị H được 3000USD quy đổi bằng 67.984.500 VNĐ cần được xác nhận, số tiền còn lại bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết do đó cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người bị hại theo yêu cầu của những người bị hại là phù hợp. Cần buộc bị cáo phải trả cho những người bị hại gồm những người sau: Anh Phùng Tấn D 10.000.000đ; Anh Đỗ Văn T 28.000.000đ; Anh Bùi Ngọc T 5.000.000đ; Chị Đinh Thị N 6.500.000đ; Chị Trần Thị S 6.000.000đ; Chị Trần Thị X 6.000.000đ; Anh Nguyễn Văn D 6.000.000đ; Anh Đinh Văn V 6.000.000đ và chị Nguyễn Thị H 6.000.000đ.

Trong vụ án này còn có Trần Thị Thu H, Bùi Văn B và Phạm Anh T là các cộng tác viên giới thiệu người có nhu cầu xuất khẩu lao động cho Công ty TNHH tư vấn du học XKLĐ và hợp tác quốc tế H quá trình điều tra bị cáo Công xác định những người này không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo, do đó xác định những người trên không đồng phạm với Nguyễn Chí C để chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không đề cập xử lý là phù hợp.

[3] Về vật chứng: không có.

[4] Về án phí:

Buộc bị cáo Công phải chịu án phí hình sự và án phí dân trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên VKSND thị xã P tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm c điểm d khoản 2 Điều 175; Điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Khoản 1,2, 5 Điều 65 - BLHS; Điểm d khoản 1 Điều 125 - BLTTHS.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Chí C** phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C **27 (Hai mươi bảy)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **54 (Năm mươi tư)** tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 28/5/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Chí C cho UBND xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trường hợp bị cáo Công thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Bị cáo C) cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại điều luật cho bị cáo C.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 45/2019/LCĐKNCT, ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cho bị cáo Nguyễn Chí C.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 – BLHS; Điều 579, 580 và Điều 357 - BLDS.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí C phải có trách nhiệm hoàn trả cho những người bị hại cụ thể như sau:

Trả cho anh Phùng Tấn D 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Anh Đỗ Văn T 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng); Anh Bùi Ngọc T 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Chị Đinh Thị N 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng); Chị Trần Thị S 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); Chị Trần Thị X 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); Anh Nguyễn Văn D 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); Anh Đinh Văn V 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và chị Nguyễn Thị H 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo Nguyễn Chí C không hoàn trả được số tiền trên cho những người bị hại, những người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo C còn phải chịu lãi xuất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 - BLDS.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Chí C đã trả đủ cho chị Hoàng Thị H 3000USD quy đổi bằng 67.984.500 VNĐ vào ngày 16/5/2019 là hợp pháp.

[3] Về vật chứng: Không có

[4] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và 2 Điều 136 – BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.975.000đ (Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong án hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận THA, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật THADS; Thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo C, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm, những người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc phẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- UBND xã T;
- Sở tư pháp;
- THAHS;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Lưu HS-VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Hưng Thủy